

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm M Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N U, sinh năm 1994.
Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Tô Văn M, sinh năm 1987.
Địa chỉ: số 462, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị N U có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Tô Văn M vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị N U trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Tô Văn M chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Bà và ông M chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi

nhau. Bà và ông M ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông Tô Văn M có 01 con chung tên Tô Yến N, sinh ngày 24/12/2013, hiện cháu N đang sống chung với ông M, bà đồng ý giao cháu N cho ông M nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Tô Văn M vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N U đối với bị đơn ông Tô Văn M. Ghi nhận bà U đồng ý giao con chung là cháu Tô Yến N, sinh ngày 24/12/2013 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Yến N cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà U không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà U không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Tô Văn M đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập ông M tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông M vẫn vắng mặt không lý do; Về phía bà Nguyễn Thị N U có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tô Văn M và bà Nguyễn Thị N U.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Tô Văn M và bà Nguyễn Thị N U bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà U cho rằng, giữa bà và ông M chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Bà và ông M ly thân từ năm 2016 cho đến

nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Xét thấy, giữa ông Tô Văn M và bà Nguyễn Thị N U có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa ông M và bà U không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho ông M các phiên hòa giải, mục đích động viên cho ông và bà U đoàn tụ sống lại với nhau nhưng ông M không chấp hành, xem như ông M đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với bà U. Mặt khác, bà U kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông M. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông M và bà U không đảm bảo nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà U đối với ông M.

Về con chung: Ông Tô Văn M và bà Nguyễn Thị N U có 01 con chung tên Tô Yến N, sinh ngày 24/12/2013, hiện cháu N đang sống chung với ông M, bà U đồng ý giao cháu N cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu N đang sống chung với ông M và được ông M chăm sóc tốt, hiện cháu N đã hơn 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu N nhưng gia đình phía ông M không đồng ý cho lấy ý kiến cháu với lý do: việc lấy ý kiến sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, do đó Tòa án không thể lấy ý kiến của cháu N. Nhưng phía gia đình ông M cũng đồng ý với ý kiến của bà U về việc giao cháu N cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận. Hội đồng xét xử xét thấy do ông M không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy ý kiến của ông M về việc nuôi con và cấp cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Tòa án dành quyền nuôi cho ông M theo nguyện vọng của bà U, ghi nhận bà U không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị N U phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Nguyễn Thị N U đối với ông Tô Văn M.

Bà Nguyễn Thị N U được ly hôn với ông Tô Văn M.

[3] Về con chung: Ghi nhận ông Tô Văn M và bà Nguyễn Thị N U có 01 con chung tên Tô Yến N, sinh ngày 24/12/2013. Ghi nhận bà Nguyễn Thị N U đồng ý giao cháu Tô Yến N cho ông Tô Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Yến N cho ông Tô Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà U không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị N U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N U không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N U phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0004193 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND X. P, H. P,
- T. C;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm M Tâm